TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2024/HSST
Ngày: 25-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Xuân Hồng.

2. Ông Bùi Như Lữ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T** (không có tên gọi khác), sinh năm: 1987 tại tỉnh Điện Biên; Nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hóa: 01/12; con ông Lò Văn T, sinh năm 1960 và bà Lò Thị Á, sinh năm 1964; vợ: Lò Thị S, sinh năm 1988; bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm: 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: không. Nhân thân: chưa bị xét xử, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/3/2024 đến ngày 07/4/2024 tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Mai Thị Thanh L, sinh năm: 1990. Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 29/3/2024, Lò Văn T cầm theo số tiền 150.000đ đi bộ từ nhà lên bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên tìm mua ma túy sử dụng. Khi đến khe suối thuộc bản P, Lò Văn T gặp và mua được của một người đàn ông dân tộc Mông 05 viên nén màu hồng với giá 150.000đ. Sau khi mua được số viên nén trên, Lò Văn T đã sử dụng hết 02 viên còn lại 03 viên Lò Văn T gói bằng nilon màu trắng cầm trên tay rồi quay về nhà. Về đến nhà, Lò Văn T cất giấu gói ma túy ở dưới gối trên giường ngủ của mình. Đến 20 giờ cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phối hợp với Công an xã N kiểm tra, phát hiện bắt quả tang thu giữ tại giường ngủ của Lò Văn T 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa 03 viên nén màu hồng nghi là ma túy loại Methamphetamine.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng và niêm phong lại vật chứng gửi giám định ngày 29/3/2024 và Kết luận giám định số 625/KL-KTHS ngày 04/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: 03 viên nén màu hồng thu giữ của Lò Văn T có tổng khối lượng 0,29 gam là chất ma túy loại Methamphetamine. Hoàn lại 0,23 gam Methamphetamine sau giám định.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ được người đàn ông dân tộc Mông đã bán Methamphetamine cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số 69/CT-VKSĐBĐ ngày 24/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Lò Văn T về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy* " theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lò Văn T về cả tội danh và điều luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 01 năm 01 tháng đến 01 năm 04 tháng tù. Về vật chứng vụ án đề nghị áp dụng Điểm a, c Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy 0,23 gam Methamphetamine còn lại sau giám định và một mảnh nilon màu trắng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa nhất trí với việc truy tố bị cáo Lò Văn T về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và những đánh giá phân tích tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo Lò Văn T của đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra trong bản luận tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất khung hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn án phí đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì thêm với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi của bị cáo Lò Văn T bị truy tố thấy rằng:

Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, cụ thể bị cáo khai nhận vì nghiện chất ma túy nên ngày 29/3/2024 bị cáo đi tìm mua được 05 viên Methamphetamine, đã sử dụng 02 Methamphetamine còn 03 viên Methamphetamine bị cáo cất giấu dưới gối để trên đầu giường ngủ để sử dụng dần bị Công an phát hiện bắt quả tang. Số Methamphetamine bị thu giữ có khối lượng 0,29 gam. Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 29/3/2024, Biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng và lấy mẫu giám định, Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định hành vi tàng trữ 0,29 gam Methamphetamine của bị cáo Lò Văn T nhằm mục đích sử dụng là hành vi *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự .

Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là có căn cứ cần chấp nhận.

[2]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Bị cáo Lò Văn Tlà người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật, xâm phạm chính sách quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội nhưng bị cáo vẫn cố ý mua tàng trữ 0,29 gam Methamphetamine, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng cần xử lý nghiêm minh.

[3]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Bản thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng lại đua đòi dẫn đến nghiện chất ma túy, không đủ bản lĩnh cai nghiện nên cố ý mua tàng trữ phạm tội như ngày hôm nay. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy phân tích về hành vi, tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận.

[4]. Về hình phạt:

Hình phạt chính: Từ phân tích tại mục [1], [2] và [3] Hội đồng xét xử chấp nhận mức đề xuất của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt chính là hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo là người nghiện ma túy, thu nhập chỉ dựa vào làm ruộng, gia đình thuộc hộ nghèo, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp như đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo phân tích đề xuất.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về vật chứng vụ án:

Vật chứng thu giữ của bị cáo là 0,29 gam Methamphetamine, đã giám định 0,06 gam hoàn lại 0,23 gam đây là chất Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và 01 mảnh nilon màu trắng dùng gói chất ma túy, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy toàn bộ theo Điểm a, c Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7]. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8]. Về các vấn đề khác trong vụ án: Đối với người đàn ông dân tộc Mông bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo, do không có thông tin cụ thể nên cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ được. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T (không có tên gọi khác) phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01 (một) năm 03(ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 29/3/2024).

2. Về vật chứng: Căn cứ vào Điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 0,23 gam Methamphetamine (hoàn lại sau giám định) và một mảnh nilon màu trắng.

Vật chứng đã được bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo

biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 25/6/2024 giữa cơ quan Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo .

4. Căn cứ vào Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/7/2024).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Nhà tạm giữ C.A huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT C.A huyện Đ;
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS C.A tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- CC.THADS huyện Đ;
- Lưu: Hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga